UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6879 /SNNMT-CCBVMT
V/v hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

An Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ngành tỉnh (có thực hiện dự án đầu tư);
- Các Ban: Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Quản lý dự án tỉnh; Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Nhằm đôn đốc và nhắc nhở cho các chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp đang hoạt động tiến hành rà soát các dự án, cơ sở để đảm bảo thực hiện theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành, cụ thể một số nội dung sau:

1.1. Thực hiện thủ tục giấy phép môi trường, đăng ký môi trường:

1.1.1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường được quy định tại mục VII, Phụ lục IX của Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP:

1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường bao gồm:

a) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc một trong các loại hình sau đây khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý từ 100 m^3/ngày trở lên hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m^3/giờ trở lên, bao gồm:

- Làm giàu, chế biến khoáng sản độc hại, khoáng sản kim loại; chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất độc;

- Sản xuất kim loại có sử dụng nguyên liệu từ quặng;

- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy có công đoạn sản xuất bột giấy;

- Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết);

- Nhiệt điện than;

- Sản xuất xi măng có công đoạn sản xuất clinker;

- Sản xuất vải, sợi, dệt may có công đoạn nhuộm; sản xuất da cod công đoạn thuộc da; chế biến mủ cao su; sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; chế biến thủy sản; sản xuất đường từ mía;

- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;

- Thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường;

b) Dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải nguy hại; có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

c) Dự án đầu tư, cơ sở khác không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản này khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp (không bao gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản) xả ra môi trường phải được xử lý từ 150 m^3/ngày trở lên hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m^3/giờ trở lên.

Mức phát sinh nước thải, khí thải quy định tại khoản này được xác định theo dự án tổng thể, không áp dụng đối với từng phân kỳ đầu tư của dự án. Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại khoản này có phát sinh đồng thời nước thải và khí thải xả ra môi trường, giấy phép môi trường phải bao gồm đầy đủ nội dung cấp phép đối với hoạt động xả nước thải và xả khí thải.

2. Dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 1 Mục này không phải có giấy phép môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Dự án đầu tư, cơ sở không phải có cấp giấy phép môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.

1.1.2. Đối tượng phải đăng ký môi trường**:**

1. Đối tượng phải đăng ký môi trường được quy định tại mục VII, Phụ lục IX của Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP:

a) Dự án đầu tư, cơ sở có phát sinh nước thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m^3/ngày trở lên hoặc phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 20.000 m^3/giờ trở lên thực hiện đăng ký môi trường tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự án đầu tư, cơ sở có mức lưu lượng nước thải, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện đăng ký môi trường tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng phải đăng ký môi trường được quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

a) Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Ngoài ra, để xác định cụ thể từng dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định nêu trên, đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (dự án, cơ sở được miễn đăng ký môi trường).

1.1.3. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường:

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh:

a) Thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải nguy hại có địa bàn hoạt động từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

b) Có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng phải thực hiện cấp giấy phép môi trường không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;….

1.1.4. Trách nhiệm thực hiện đăng ký môi trường:

- Chủ dự án, cơ sở có trách nhiệm sau đây:

+ Đăng ký môi trường theo đúng mẫu số 47 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

+ Trong quá trình hoạt động, nếu dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi về nội dung đã đăng ký, chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm đăng ký môi trường lại trước khi thực hiện các thay đổi đó. Trường hợp việc thay đổi quy mô, tính chất của dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc phải có giấy phép môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm thực hiện quy định về đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường theo quy định.

- Cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường: có trách nhiệm tiếp nhận đăng ký môi trường đối với dự án, cơ sở theo quy định ***(không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác)***.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

1.2. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ:

1.2.1. Đối tượng báo cáo, thời gian báo cáo và cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm

- Đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Yêu cầu cơ sở thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại mục 5 Phụ lục *(Mẫu số 05.A. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường))* kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12)* **trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo** về Cơ quan cấp giấy phép môi trường; Sở Nông nghiệp và Môi trường *(nơi dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ)*; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp *(đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp)*.

- Đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường. Yêu cầu cơ sở thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại mục 5 Phụ lục *(Mẫu số 05.B. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường))* kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12)* **trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo** về cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường; Sở Nông nghiệp và Môi trường; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp *(đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp)*.

- Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy

định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12)* **trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo** về Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan cấp giấy phép môi trường.

- Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12)* **trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo** về Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan cấp giấy phép môi trường.

1.2.2. Hình thức, phương thức báo cáo gửi đến cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm:

- Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu của đơn vị. Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. Báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng hình thức: (1) Gửi, nhận trực tiếp; (2) Gửi, nhận qua dịch vụ bưu chính.

- Đối với báo cáo bằng văn bản điện tử theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc được số hóa từ văn bản giấy, có chữ ký điện tử của người có thẩm quyền và đóng dấu điện tử của đơn vị. Báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo qua hệ thống thông tin môi trường các cấp hoặc hệ thống thông tin khác của địa phương; nhận qua hệ thống thư điện tử.

1.3. Rà soát thực hiện các quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường (đối với Chủ nguồn thải):

1.3.1. Đối với chất thải nguy hại:

- Tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng chất thải nguy hại theo quy định;

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hằng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo môi trường định kỳ.

Riêng đối với chất thải y tế thì thời gian lưu giữ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh (nếu đảm bảo theo quy định) hoặc ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại phù hợp theo quy định.

- Phối hợp với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để lập chứng từ chất thải nguy hại khi chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định. Sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chuyển giao chất thải nguy hại, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ chất thải nguy hại mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải nguy hại thì chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chuyển giao chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm thì sử dụng biên bản bàn giao thay cho chứng từ chất thải nguy hại (Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT).

1.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định hoặc chuyển giao cho các đối tượng sau đây:

+ Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp.

+ Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp.

+ Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định nêu trên.

- Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT khi chuyển giao nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý theo quy định.

2. Để bảo đảm các cơ sở y tế thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Sở Y tế quan tâm phối hợp chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo các bệnh viện, trung tâm y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định (phải có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định).

- Rà soát hiện trạng quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế; đặc biệt đối với các cơ sở có lò đốt chất thải y tế đang vận hành, yêu cầu:

+ Kiểm tra, đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải, khí thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan;

+ Chỉ tiếp tục vận hành đối với các lò đốt chất thải y tế bảo đảm đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải, khí thải và quy định về bảo vệ môi trường;

+ Trường hợp lò đốt chất thải y tế không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải, khí thải hoặc không còn đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì phải ngừng hoạt động; đồng thời thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải y tế cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế tại các cơ sở y tế; xây dựng kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp đối với các hệ thống xuống cấp, quá tải nhằm bảo đảm nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổng hợp, thống kê và cung cấp thông tin tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các bệnh viện, trung tâm y tế gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường ***trước ngày 20/7/2026*** để theo dõi, tổng hợp *(đính kèm biểu mẫu cung cấp thông tin tại Phụ lục 1)*.

3. Đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh rà soát, thông báo trực tiếp đến các Doanh nghiệp hoạt động thuộc quyền quản lý (đảm bảo các Doanh nghiệp nhận được văn bản này và biết để thực hiện) và kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và quản lý chất thải theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện:

- Tổ chức rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn quản lý; xác định các cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

- Hướng dẫn, yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định khẩn trương thực hiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường theo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; trong đó tập trung kiểm tra các cơ sở chưa thực hiện thủ tục môi trường theo quy

định, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc có phản ánh, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường.

- Kịp thời phát hiện, nhắc nhở, yêu cầu khắc phục đối với các trường hợp vi phạm; đồng thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở không thực hiện thủ tục môi trường, không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

- Tổng hợp, thống kê và cung cấp thông tin tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường ***trước ngày 30/7/2026*** để theo dõi, tổng hợp *(đính kèm biểu mẫu cung cấp thông tin tại Phụ lục 2)*.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần hướng dẫn các đơn vị có văn bản gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường), địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sở Nông nghiệp và Môi trường, số 9, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo để các đơn vị biết, tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- GĐ Lê Hữu Toàn (để b/c);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng Sở (công khai trên cổng thông tin của Sở);
- Lưu: VT, dhthang.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Võ Văn Lên

PHỤ LỤC 1

Danh sách và thông tin việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNNMT-CCBVMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Dự án/cơ sở	Quy mô (giường bệnh)	Xử lý chất thải rắn y tế	Công trình xử lý nước thải	Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	Thủ tục môi trường hiện có	Tình hình hoạt động	Ghi chú
1	Bệnh viện A	Số lượng giường bệnh theo thiết kế? Số lượng giường bệnh được giao? Số lượng giường bệnh thực kê?	1. Lò đốt …..kg/giờ? (có đáp ứng QCVN quy định về lò đốt và khí thải phát sinh từ lò đốt hay không đáp ứng); 2. Lò hấp …….kg/giờ (đáp ứng QCVN hoặc không đáp ứng); 3. Hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.	- Công suất: ..... m^3/ngày? - Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải	1. Kho chứa chất thải lây nhiễm diện tích …… m^2. 2. Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích ……..m^2. 3. Đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (có biển cảnh báo, thiết bị lưu chứa,…. Theo quy định)	- Giấy xác nhận bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường/đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường chi tiết. - Các giấy phép môi trường thành phần (giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại,…). - Giấy phép môi trường.	Đang hoạt động hoặc chưa hoạt động	

PHỤ LỤC 2

Danh sách và thông tin về tình hình thực hiện thủ tục môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNNMT-CCBVMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Dự án/cơ sở	Loại hình hoạt động/sản xuất	Thủ tục môi trường	Cơ quan cấp giấy phép môi trường hoặc tiếp nhận đăng ký môi trường	Tình hình hoạt động	Ghi chú
1	Cơ sở A		Có hoặc chưa có (Giấy phép môi trường/đăng ký môi trường)	UBND tỉnh/Sở NN&MT/UBND xã	Đang hoạt động hoặc chưa hoạt động	